TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/DS-PT
Ngày: 26-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Quang.
Các Thẩm phán: ông Lê Trúc Lâm và bà Vũ Ngọc Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: bà Ninh Thị Huyền - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023,tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/DS-PT ngày 07/6/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DSST ngày 30/3/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2023/QĐ-PT ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Đ;

Địa chỉ trụ sở: 130 P, phường X, Quận P, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền có bà Trần Thị Anh T - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Đ - chi nhánh quận X - Phòng giao dịch H. (Quyết định số 27/QĐ-Q01 ngày 17/6/2021 của Giám đốc chi nhánh Quận X- Ngân hàng TMCP Đ).

- *Bị đơn:* ông Thiệu Ngân B, sinh năm 1983;

Địa chỉ: khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người kháng cáo: bị đơn ông Thiệu Ngân B.
Viện kiểm sát kháng nghị: VKSND thành phố Tuy Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Anh T trình bày được tóm tắt như sau:*

Ngày 23/9/2013, ông Thiệu Ngân B có làm Giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi *(dành cho cổ đông DAB)* yêu cầu Ngân hàng TMCP Đ cấp hạn mức thấu chi tài khoản thẻ là 800.000.000đ. Ngày 24/9/2013, Ngân hàng cùng ông B ký kết hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013, theo đó ông B vay số tiền 800.000.000đ, lãi suất 1,35%/tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng, hình thức tín chấp, không

có tài sản bảo đảm.

Do ông B sở hữu 100.000 cổ phiếu DAB nên ông B được duyệt cho vay thấu chi 800.000.000đ, khoản vay Ngân hàng không có nhận đảm bảo số cổ phiếu trên, nhưng lại đánh dấu vào ô thế chấp 100.000 cổ phiếu DAB là do sai sót của cán bộ Ngân hàng khi lập hợp đồng vay. Vì thực tế hai bên không làm hợp đồng thế chấp tài sản riêng cũng như đăng ký bảo đảm theo quy định pháp luật. Hiện nay ông B vẫn đứng tên chủ sở hữu số cổ phiếu trên và được chi trả lãi cổ phiếu. Đồng thời tại thời điểm ký kết hợp đồng dịch vụ thấu chi, ông B không có ủy quyền cho Ngân hàng được quyền xử lý số cổ phiếu của mình sở hữu trường hợp không trả được nợ. Do Ngân hàng không có nhận thế chấp 100.000 cổ phiếu DAB của ông B nên không đồng ý phát mãi cổ phiếu để cấn trừ nợ. Đồng thời theo Thông báo số 83/TB-HĐQT-DAB ngày 14/8/2015 của Ngân hàng TMCP Đ đã thông báo về việc cổ đông không được chuyển nhượng cổ phiếu để xử lý phần khoản vay này lý do trường hợp đặc biệt thì liên hệ Ngân hàng nhà nước.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 24/9/2014 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/3/2023, ông B còn nợ Ngân hàng 2.608.639.116đ, trong đó: nợ gốc 800.000.000đ, nợ lãi trong hạn 131.399.116đ, nợ lãi quá hạn 1.678.240.000đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông B trả số nợ trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/3/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận của hợp đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ngày 16/6/2022, ngày 24/9/2022 bị đơn ông Thiệu Ngân B trình bày được tóm tắt như sau:*

Qua giới thiệu bạn bè, ông Thiệu Ngân B muốn mua lại 100.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đ từ một cổ đông của Ngân hàng. Do không có tiền nên ngày 24/9/2013, ông có ký kết hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013 với Ngân hàng TMCP Đ, theo đó Ngân hàng cho ông vay bằng hình thức thấu chi tài khoản thẻ số tiền 800.000.000đ, lãi suất thấu chi 1,35%/tháng, lãi suất thấu chi quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay: trả tiền mua 100.000 cổ phiếu DAB. Để đảm bảo khoản vay, anh đã thế chấp 100.000 cổ phiếu DAB cho Ngân hàng (*được đánh dấu vào ô thế chấp/cầm cố 100.000 cổ phiếu DAB tại Điều 3 của hợp đồng)* chứ hai bên không tiến hành làm hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản riêng, không ký hợp đồng giao dịch bảo đảm hay đăng ký giao dịch bảo đảm với cơ quan có thẩm quyền để cho việc thế chấp cổ phiếu có hiệu lực, không có biên bản giao nhận bản chính giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu theo quy định pháp luật. Đồng thời ông cũng không có ủy quyền cho Ngân hàng được quyền xử lý số cổ phiếu mình sở hữu trong trường hợp không trả được nợ. Ngân hàng trình bày khoản vay thấu chi không có tài sản thế chấp, tuy nhiên hợp đồng lại đánh vào ô thế chấp/cầm cố 100.000 cổ phiếu DAB là sai sót của cán bộ Ngân hàng khi lập hợp đồng nhưng lại không thông báo cho ông biết là lỗi hoàn toàn thuộc về Ngân hàng. Hiện nay, 100.000 cổ phiếu DAB vẫn do ông đứng tên chủ sở hữu, năm 2014 ông được nhận cổ tức số tiền 20.000.000đ và Ngân hàng tự

động trừ vào tiền lãi. Nay tại Toà, ông mới được Ngân hàng thông báo số tiền cổ tức trên vẫn còn bị treo tại Ngân hàng do ông cung cấp số tài khoản không đúng.Vì vậy, tài khoản thẻ của ông không phát sinh tiền chi trả cổ tức và Ngân hàng cũng không cấn trừ nợ lãi.

Trong quá trình vay, ông đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên ngày 24/9/2014 Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Ông có nguyện vọng Ngân hàng khấu trừ số cổ phiếu trên vào số tiền nợ của ông nhưng tại Thông báo số 83/TB-HĐQT-DAB ngày 14/8/2015, Ngân hàng thông báo đến các cổ đông DongA Bank không được chuyển nhượng cổ phiếu của Ngân hàng.

Nay ông đồng ý trả cho Ngân hàng nợ gốc 800.000.000đ, nợ lãi trong hạn 131.399.116đ; còn nợ lãi quá hạn thì ông đề nghị không phải trả. Do hiện nay hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả nợ nên ông B đề nghị Ngân hàng cho phát mãi 100.000 cổ phiếu DAB để cấn trừ nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DSST ngày 30/3/2023 của Toà án nhân dân thành phố T đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm akhoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Thiệu Ngân B phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 2.608.639.116đ *(Hai tỷ sáu trăm linh tám triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn một trăm mười sáu đồng),* trong đó nợ gốc 800.000.000đ *(Tám trăm triệu đồng),* nợ lãi trong hạn 131.399.116đ *(Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm chín mươi chín nghìn một trăm mười sáu đồng)*; nợ lãi quá hạn phát sinh đến hết ngày 29/3/2023 là 1.677.240.000đ *(Một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).*

Kể từ ngày 30/3/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc, ông Thiệu Ngân B còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013ngày 24/9/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Thiệu Ngân B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/4/2023, bị đơn ông Thiệu Ngân B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 14/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa có Quyết định kháng nghị phúc thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện,

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo – chỉ đồng ý trả số tiền gốc 800.000.000đ và tiền lãi trong hạn từ ngày 24/9/2013 – 24/9/2014.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụán ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013 ngày 24/9/2013 được ký kết giữa ngân hàng TMCP Đ và ông Thiệu Ngân B không đúng quy định tại Quy định QD-DAB-69 ngày 27/8/2012 của Ngân hàng TMCP Đ; Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013 ngày 24/9/2013 đánh dấu vào ô thế chấp/cầm cố 100.000 cổ phiếu DAB là vi phạm khoản 5 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng, được quy định như sau: *"Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng",* do đó hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013ngày 24/9/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông B vi phạm điều cấm của pháp luật, nên hợp đồng trên vô hiệu theo Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Thiệu Ngân B kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T kháng nghị trong thời hạn, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Thiệu Ngân B và Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 14/4/2023 của Viện trưởng VKSND thành phố T:

[2.1] Về nội dung của hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013: ngày 23/9/2013, bị đơn ông Thiệu Ngân B có nhận chuyển nhượng 100.000 cổ phiếu DAB từ cổ đông Nguyễn Huy Trường H *(Theo biên bản giao nhận hồ sơ chuyển nhượng ngày 23/9/2013)*. Tại biên nhận hồ sơ chuyển nhượng của Công ty chứng khoán Ngân hàng Đ có nội dung "Sau thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển nhượng, Công ty sẽ hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cho các bên" và Lưu ý "Biên nhận hồ sơ chưa có giá trị công nhận quyền sở hữu của người nhận chuyển nhượng" (bút lục số 149). Cùng ngày 23/9/2013, ông B có làm Giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi *(dành cho cổ đông DAB)* yêu cầu Ngân hàng TMCP Đ cấp hạn mức thấu chi tài khoản thẻ là 800.000.000đ, có nội dung cam kết *"... Đồng ý để Ngân hàng thực hiện các nghiệp vụ đối với: 100.000 cổ phần Ngân hàng TMCP Đ (có mệnh giá 10.000đ/cổ phần) của tôi như sau:*

- Tự động trích lãi từ các cổ phần trên để thu hồi nợ nếu tôi không trả nợ thấu chi đúng hạn cho Ngân hàng.

- Có quyền ngăn chặn giao dịch cầm cố để vay tại các tổ chức tín dụng khác hoặc giao dịch chuyển nhượng đối với các cổ phần trên cho đến khi tôi trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng và thanh lý hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ; đồng thời tôi cam kết không có bất kỳ khiếu nại nào ..." (tại bút lục số 71).Ngày 24/9/2013, Ngân hàng TMCP Đ và ông B ký kết hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013, nội dung Ngân hàng cấp hạn mức thấu chi số tiền 800.000.000đ, lãi suất thấu chi trong hạn 1,35%/tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng cấp hạn mức thấu chi ngày 24/9/2013, tại Điều 3 của hợp đồng có đánh dấu vào ô *"Thế chấp/cầm cố 100.000 cổ phiếu DAB"*.

[2.2] Về đối tượng vay thế chấp/cầm cố cổ phiếu DAB: quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ngân hàng TMCP Đ trình bày là khoản vay tín chấp không có tài sản bảo đảm nhưng lại đánh dấu vào ô thế chấp 100.000 cổ phiếu DAB là do sai sót của cán bộ Ngân hàng khi lập hợp đồng vay. Bị đơn ông B trình bày khoản vay thấu chi có thế chấp 100.000 cổ phiếu DAB. Căn cứ vào nội dung Giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi *(dành cho cổ đông DAB)* và Điều 3 của hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013 thì lời trình bày của bị đơn là phù hợp, đủ cơ sở để xác định hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013 có thế chấp/cầm cố 100.000 cổ phiếu DAB. Theo quy định tại khoản 5 của Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng 2010, có quy định những trường hợp không được cấp tín dụng:*"5. Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng"*. Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013 ngày 24/9/2013 là vi phạm khoản 5 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng, tức là vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng này bị vô hiệu, không làm phát phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên kể từ thời điểm giao kết.

[2.3] Về quy định khung hạn mức tín dụng dành cho một khách hàng cá nhân (dành cho cổ đông DAB): tại điểm 7.3.2.2 Điều 7 của Quy định số QD-DAB-69 ngày 27/08/2012 của ngân hàng TMCP Đ quy định khung hạn mức tín dụng dành cho một khách hàng cá nhân*"Tối đa 01 tỷ đồng đối với TSĐB là STK, CCTG do D Bank phát hành, hoặc được khách hàng đảm bảo uy tín bằng việc đồng ý phong tỏa cổ phiếu D Bank"*. Vào thời điểm ngày 24/9/2013 ông B chưa được công nhận là chủ của quyền sở hữu 100.000 cổ phiếu do ông Hồng chuyển nhượng. Do đó, ông B không đảm bảo điều kiện thuộc trường hợp Khách hàng cổ đông Đ Bank có thời gian sở hữu cổ phiếu tối thiểu 12 tháng liên tục kể từ thời điểm xét duyệt, tức là không thuộc đối tượng được cho vay tín chấp với hạn mức 01 tỷ đồng. Ngân hàng trình bày hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013 ngày 24/9/2013 là hợp đồng tín chấp thì hợp đồng này có nội dung vi phạm điểm 7.3.2.2 Điều 7 của Quy định QD-DAB-69 ngày 27/08/2012 của ngân hàng TMCP Đ là vi pháp điều cấm của Ngân hàng TMCP Đ. Hợp đồng này bị vô hiệu, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

Từ những nhận định nêu trên đủ cơ sở để xác định hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013ngày 24/9/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đ

và ông Thiệu Ngân B vi phạm điều cấm của pháp luật, nên hợp đồng trên bị vô hiệu theo quy định của Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013ngày 24/9/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông B bị vô hiệu, căn cứ Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005, khi hợp đồng bị vô hiệu thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ cho các bên tham gia, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do vậy, cần buộc ông B trả cho ngân hàng Đ 800 triệu đồng tiền gốc.

[2.5] *Về thiệt hại và lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu:* việc ngân hàng cho ông B vay không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến hợp đồng bị vô hiệu lỗi hoàn toàn thuộc về ngân hàng, nếu có thiệt hại Ngân hàng phải tự chịu. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông Thiệu Ngân B tự nguyện chịu tiền lãi trong hạn từ ngày 24/9/2013 đến 24/9/2014 là 131.399.116đ, đây là sự tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội được ghi nhận.

Xét thấy kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của VKSND thành phố Tuy Hòa và lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu được Tòa chấp nhận là 36.000.000đ và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 62.317.200đ *(án phí đối với số tiền 1.677.240.000đ là 36.000.000đ + 3% x [1.677.240.000đ – 800.000.000đ = 877.240.000đ] = 62.317.200đ)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thiệu Ngân B, Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố T – Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 128, Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

Tuyên bố Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 66/TC140/2013 ngày 24/9/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Thiệu Ngân B bị vô hiệu.

Buộc ông Thiệu Ngân B phải hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền 800.000.000 đồng tiền gốc. Ghi nhận sự tự nguyện của ông

Thiệu Ngân B trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ lãi trong hạn 131.399.116đ. Tổng cộng 931.399.116đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc ông Thiệu Ngân B phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh đến ngày 29/3/2023 là 1.677.240.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ tại biên lai số 0008111 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, phải tiếp tục nộp 35.700.000đ.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 62.317.200đ. Đã nộp 28.581.286đ tạm ứng án phí tại biên lai số 0006444 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, thành phố H, phải tiếp tục nộp 33.735.914đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

Ngô Chịu **Vũ Ngọc Hà** **Lương Quang**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP Tuy Hòa (2);
- CC THADS TP Tuy Hòa;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Ngô Chịu **Vũ Ngọc Hà**